

# KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

## KHỐI MẪU GIÁO GHEP 3, 4 TUỔI

Căn cứ vào chương trình giáo dục của nhà trường;  
Căn cứ vào Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhà trường năm học 2025-2026;

Căn cứ vào tình hình thực tế khối mẫu giáo ghép 3 – 4 tuổi xây dựng kế hoạch giáo dục năm học 2025-2026 như sau:

| TT                              | Độ tuổi | Mục tiêu                                                                                       | Nội dung                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                        | Chủ đề thực hiện |
|---------------------------------|---------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
|                                 |         |                                                                                                | Chung                                                                                                                                                      | Riêng                                                                                                                                                                                  |                  |
| 1. Lĩnh vực phát triển thể chất |         |                                                                                                |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                        |                  |
| a) Phát triển vận động          |         |                                                                                                |                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                        |                  |
| 1                               | 3       | Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn                             | * 3,4 T:<br>- Hô hấp: Hít vào, thở ra.<br>- Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay).                     | - Bắt chéo 2 tay trước ngực<br>- Co duỗi chân<br>- Bước chân lên phía trước, sang ngang.                                                                                               | 1->9             |
| 2                               | 4       | Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh       | - Co và duỗi tay<br>- Cúi người về phía trước<br>- Quay sang trái, sang phải<br>- Nghiêng người sang trái, sang phải.<br>- Ngồi xổm, đứng lên; Bật tại chỗ | - Kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay<br>- Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau, trên đầu)<br>- Ngửa người ra sau<br>- Nhún chân.<br>- Đứng lặn lướt từng chân co cao đầu gối. | 1->9             |
| 3                               | 3       | Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:<br>- Đi hết được đoạn đường |                                                                                                                                                            | - Đi trong đường hẹp<br>- Đi kiễng gót                                                                                                                                                 | 1,3,6<br>2       |

|   |   |                                                                                                                                                                                                        |                                            |                                                                                                  |                  |
|---|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
|   |   | hẹp (3m x 0,2m).<br>- Biết đi kiềng gót liên tục 3m.                                                                                                                                                   |                                            |                                                                                                  |                  |
| 4 | 4 | Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:<br>- Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.<br>- Trẻ đi bước lùi liên tiếp được khoảng 3m.                         |                                            | - Đi bằng gót chân<br>- Đi khụy gối<br>- Đi trên ghế thể dục<br>- Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn | 2<br>6<br>3<br>1 |
| 5 | 3 | Trẻ kiểm soát được vận động:<br>- Trẻ biết đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.<br>- Trẻ chạy được liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.                   | - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. | - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc                                                    | 4,7,8,9          |
| 6 | 4 | Trẻ kiểm soát được vận động:<br>Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).                                                                                  |                                            | - Đi, chạy thay đổi theo hiệu lệnh, đường đích dắc, theo vật chuẩn<br>- Chạy chậm 60-80m         | 4,7<br>9         |
| 7 | 3 | Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động:<br>- Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m).<br>- Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).            | - Ném trúng đích bằng 1 tay (Đích đứng).   | - Lăn bóng với cô<br>- Tung bắt bóng với cô<br>- Đập và bắt bóng.                                | 2<br>3,9<br>8    |
| 8 | 4 | Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động:<br>- Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m).<br>- Trẻ biết ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 |                                            | - Tung bóng lên cao và bắt.<br>- Tung bắt bóng với người đối diện.<br>- Đập và bắt               | 2<br>8<br>3      |

|    |   |                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                   |
|----|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|
|    |   | m).<br>-Trẻ tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                           | bóng tại chỗ.                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                   |
| 9  | 3 | Trẻ thể hiện được sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:<br>- Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.<br>- Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m).<br>- Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.                                   | - Trườn theo hướng thẳng<br>- Ném xa bằng 1 tay.<br><br>- Ném trúng đích bằng 1 tay (Đích ngang)<br>- Bò chui qua cổng.<br><br>- Bò theo hướng thẳng, theo đường đích dắc | - Bò trong đường hẹp<br>- Bước lên, xuống bậc cao 30 cm.<br>- Trườn về phía trước<br><br>- Chuyên bắt bóng 2 bên (theo hàng ngang, hàng dọc)<br>- Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng.                                                                                                             | 5,7<br><br>1,4,5<br><br>5,9<br><br>3,6,7,9<br><br>1,2,5,8                         |
| 10 | 4 | Trẻ thể hiện được sự nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:<br>- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây.<br>- Ném trúng đích ngang (xa 2 m).<br>- Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. |                                                                                                                                                                           | - Chạy chậm 60-80m<br>- Bò chui qua cổng, ống dài 1,2 x 0,6 m.<br>- Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm.<br>- Trèo lên, xuống 5 gióng thang.<br>- Chạy 15m trong khoảng 10 giây<br>- Bò bằng bàn tay và bàn chân (3-4m).<br>- Bò đích dắc (qua 5 điểm).<br>- Ném xa bằng 2 tay.<br>- Chuyên bắt bóng qua | 9<br><br>6,3<br><br>9<br><br>4<br><br>5<br><br>1,8<br><br>2,7<br><br>4<br><br>7,9 |

|    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                    |                                                                                                                                                                             |                                  |
|----|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|
|    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                    | đầu, qua<br>chân.)                                                                                                                                                          |                                  |
|    | 3 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | - Bật về phía<br>trước                                                                             | - Bật tại chỗ.                                                                                                                                                              | 1,2,4,5                          |
|    | 4 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | - Bật xa                                                                                           | - Bật nhảy từ<br>trên cao<br>xuống 30-35<br>cm.<br>- Bật tách,<br>khép chân<br>qua 5 ô.<br>- Bật qua vật<br>cản cao 10 -<br>15 cm<br>- Nhảy lò cò<br>3m.                    | 3,4,6<br><br>2<br><br>6<br><br>5 |
| 11 | 3 | - Trẻ thực hiện được các<br>vận động:<br>+ Xoay tròn cổ tay.<br>+ Gập, đan ngón tay vào<br>nhau<br>- Trẻ biết phối hợp được cử<br>động bàn tay, ngón tay<br>trong một số hoạt động.<br>+ Vẽ được hình tròn theo<br>mẫu.<br>+ Cắt thẳng được một đoạn<br>10cm<br>+ Xếp chồng 8-10 khối<br>không đồ.<br>+ Tự cài, cởi cúc. | - Xé (dán giấy,<br>đường thẳng).<br>- Tô vẽ (nguyệt<br>ngoại, hình<br>tròn, ...)<br>- Cài, cởi cúc | - Gập, đan<br>các ngón tay<br>vào nhau,<br>quay ngón<br>tay, (cổ tay,<br>cuộn cổ tay.<br>- Đan, tết<br>- Xếp chồng<br>các hình khối<br>khác nhau.<br>- Sử dụng<br>kéo, bút. | 2,3,7                            |
| 12 | 4 | - Trẻ thực hiện được các<br>vận động:<br>+ Cuộn - xoay tròn cổ tay.<br>+ Gập, mở, các ngón tay.<br>- Trẻ biết phối hợp được cử<br>động bàn tay, ngón tay, phối<br>hợp tay - mắt trong một số<br>hoạt động:<br>+ Vẽ hình người, nhà, cây<br>+ Cắt thành thạo theo<br>đường thẳng<br>+ Xây dựng, lắp ráp với 10-           |                                                                                                    | - Vo, xoáy,<br>xoắn, vặn,<br>búng ngón<br>tay, vê, véo,<br>vuốt, miết, ấn<br>bàn tay, ngón<br>tay, gấn,<br>nồi....<br>- Gập giấy.<br>- Lắp ghép<br>hình.<br>- Cắt đường     | 2,3,7                            |

|                                    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                           |  |
|------------------------------------|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--|
|                                    |   | 12 khối<br>+ Biết tết sơi đôi.<br>+ Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | thăng.<br>- Xâu, buộc dây |  |
| b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                           |  |
| 13                                 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...)</li> <li>- Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...</li> <li>- Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</li> </ul>                                                                                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số thực phẩm (quen thuộc, thông thường) trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng).</li> <li>- Nhận biết một số món ăn quen thuộc, dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, một số món ăn đặc trưng của dân tộc Thái.</li> <li>- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất</li> </ul> | 2, 5,6                    |  |
| 14                                 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm:<br/>+ Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm.</li> <li>+ Rau, quả chín có nhiều vitamin.</li> <li>- Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...</li> <li>- Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                   | 2,5,6                     |  |
| 15                                 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:<br/>+ Biết rửa tay, lau mặt, súc miệng.</li> <li>+ Biết tháo tất, cởi quần, áo....</li> <li>- Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với cách đánh răng, tập đánh răng, lau mặt</li> <li>- Tập rửa tay, rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng</li> <li>- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh, đi vệ sinh đúng nơi quy định</li> <li>- Tháo tất, thay cởi quần, áo khi bị ướt, bẩn</li> <li>- Tập sử dụng, cầm bát, thìa cốc</li> </ul>                   | 1,2                       |  |
|                                    |   | - Trẻ thực hiện được một số                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | - Tập sử dụng, cầm bát, thìa cốc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                           |  |

|    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |     |
|----|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 16 | 4 | <p>việc khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.</li> <li>+ Trẻ tự thay được quần, áo khi bị ướt, bẩn.</li> <li>- Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | <p>đúng cách, xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập mặc trang phục dân tộc Thái: cài, cởi cúc áo, áo cóm, kéo khóa...</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                               | 1,2 |
| 17 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...</li> <li>- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trẻ chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</li> <li>+ Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu</li> </ul> </li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe</li> <li>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người (không nuôi súc vật ở gần nhà, dưới gầm sàn)</li> <li>- Nhận biết, lựa chọn trang phục phù hợp theo thời tiết. Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết</li> <li>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản</li> </ul> | 2   |
| 18 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.</li> <li>+ Trẻ chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau...</li> <li>+ Không uống nước lã.</li> </ul> </li> <li>- Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Biết vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</li> <li>+ Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...</li> <li>+ Biết đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>+ Bỏ rác đúng nơi quy</li> </ul> </li> </ul> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2   |

|    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                               |           |
|----|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
|    |   | định.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                               |           |
| 19 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có thể nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở</li> <li>- Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (Hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.</li> </ul>                                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng</li> <li>- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng</li> </ul> | 3,7,8     |
| 20 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ có thể nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. biết không nên nghịch các vật sắc nhọn.</li> <li>- Trẻ nhận ra những nơi như: Hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.</li> </ul>                                                                                                   |                                                                                                                                                                                               | 3,7, 8    |
| 21 | 3 | <p>Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...</li> <li>- Biết không tự lấy thuốc uống.</li> <li>- Biết không leo trèo bàn ghế, lan can.</li> <li>- Biết không nghịch các vật sắc nhọn.</li> <li>- Biết không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.</li> </ul> | <p>Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng</p>                                                                                                                       | 1,3,4,6,7 |
| 22 | 4 | <p>Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>` Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...</li> <li>` Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá quả lạ...</li> <li>không uống rượu bia, cà</li> </ul>                                                                                                        |                                                                                                                                                                                               | 1,3,4,6,7 |

|    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                             |     |
|----|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----|
|    |   | phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn<br>` Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.                                                                                                                                                                |                                                             |     |
| 23 | 4 | Trẻ biết nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:<br>` Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.<br>` Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. | - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ | 3,8 |

## 2. Lĩnh vực phát triển nhận thức

### a) Khám phá khoa học

|    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |             |
|----|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|-------------|
| 24 | 3 | Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.                                                                                                                                                                                                                 | - Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể<br>- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi có hình dạng và kích thước khác nhau (đồ dùng đặc trưng của dân tộc Thái...)<br>- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông (phân loại theo 1-2 dấu hiệu.) |  | 8           |
| 25 | 4 | Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?...<br>Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. | - Đặc điểm nổi bật (bên ngoài) của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc (gần                                                                                                                                                                                                                                |  | 6           |
| 26 | 3 | Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.                                                                                                                                                                                                                      | - So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ                                                                                                                                                                                                                                                 |  | 1,2,3,5,6,7 |
| 27 | 4 | Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  | 1,2,3,5,6,7 |



|    |   |                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                             |   |
|----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
|    |   |                                                                                                                                                             | gũ), ích lợi và tác hại đối với con người<br>- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.                                                                                                                                                                                                                   | chơi.                                                                                                       |   |
| 28 | 3 | Trẻ có thể làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. | - Hiện tượng (nắng, mưa, nóng, lạnh, thời tiết theo mùa) và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. Biểu hiện biến đổi của biến đổi khí hậu, các loại thiên tai thường xảy ra ở địa phương, ở Việt Nam, dấu hiệu của từng loại thiên tai, nguyên nhân, hậu quả, cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai. |                                                                                                             | 8 |
| 29 | 4 | Trẻ có thể làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.       | nguyên nhân, hậu quả, cách ứng xử đơn giản khi có thiên tai.                                                                                                                                                                                                                                           | ` Một số đặc điểm, tính chất của nước..<br>` Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.. | 8 |
| 30 | 3 | - Trẻ có thể thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.         | - Một số dấu hiệu nổi bật và sự khác nhau giữa ngày và đêm                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                             | 8 |
| 31 | 4 | - Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.                                          | - Các nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày, trong môi trường sống                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                             | 8 |
| 32 | 3 | Trẻ có thể biết dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo                                                                      | - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                             | 6 |
| 33 | 4 | Trẻ biết nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.                                                        | - Không khí, một số nguồn                                                                                                                                                                                                                                                                              | - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật                                                          | 5 |

|                                                  |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                            |           |  |
|--------------------------------------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--|
|                                                  |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây<br>` Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi                                                                                                                                             |           |  |
| 34                                               | 3 | - Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.                                                                                                                                                                                                                                                                 | - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu, đồ dùng đặc trưng của dân tộc Thái...<br>- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu                                                                                                                          | 1,3,5,6,7 |  |
| 35                                               | 4 | Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.                                                                                                                                                                                                                                                                  | - Phân loại PTGT theo 1-2 dấu hiệu                                                                                                                                                                                                                                         | 1,3,5,6,7 |  |
| 36                                               | 3 | Trẻ có thể nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5,6,7     |  |
| 37                                               | 4 | - Trẻ biết nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi hiện tượng thời tiết theo mùa của địa phương.<br>Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”.<br>- Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn. | - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng (Quan sát, phán đoán mối liên hệ, hiện tượng thời tiết theo mùa của địa phương)<br>- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. | 5,6,7     |  |
| 38                                               | 3 | Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình....                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8         |  |
| 39                                               | 4 | Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình....                                                                                                                                                                                                                                   | Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục của hoạt động vui chơi, âm nhạc, tạo hình.                                                                                                                                                                                       | 8         |  |
| b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                            |           |  |

|    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                      |              |                |
|----|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------------|
| 40 | 3 | Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.                                                                                                                                                | - Đếm trên đối tượng trong phạm vi và đếm theo khả năng.                             | - 1 và nhiều | 1              |
| 41 | 4 | Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...                                                                                                                                                           | - Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi                                                        |              | 1              |
| 42 | 3 | - Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.<br>- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.                                                             |                                                                                      |              | 2-> 4<br>6-> 9 |
| 43 | 4 | - Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.<br>- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.<br>- Trẻ có thể sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự. | Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5                                        |              | 2->4,<br>6->9  |
| 44 | 3 | - Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.<br>- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.                                                                                                      | ` Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.<br>` Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn |              | 2,3,4,5        |
| 45 | 4 | - Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.<br>- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.                                                                                                                   |                                                                                      |              | 2,3,4,5        |
|    |   | Trẻ nhận biết được ý nghĩa                                                                                                                                                                                                                                         | Nhận biết ý nghĩa các con số                                                         |              |                |

|                    |   |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                             |       |
|--------------------|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|
| 46                 | 4 | các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.                                                                                                                            | được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, biển số xe..)                                                                                                               | 3,7   |
| 47                 | 3 | Trẻ nhận ra được quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.                                                                                                              | Xếp xen kẽ (So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc)                                                                                                     | 6     |
| 48                 | 4 | Trẻ nhận ra được quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.                                                                                                     |                                                                                                                                                                             | 6     |
| 49                 | 3 | Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ : To hơn /nhỏ hơn ; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn / thấp hơn; bằng nhau.                                            | - So sánh 2 đối tượng về kích thước: To hơn /nhỏ hơn ; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn / thấp hơn; bằng nhau                                                                      | 6,8   |
| 50                 | 4 | Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.                                                                             | - Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo<br>- Đo dung tích bằng một đơn vị đo                                                                                                 | 6,8   |
| 51                 | 3 | Trẻ biết nhận dạng và gọi tên được các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật                                                                                                  | - Nhận biết, gọi tên các hình (So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình): hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế | 3,4,7 |
| 52                 | 4 | - Trẻ có thể chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)<br>- Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản | - Sử dụng các hình hình học để lắp ghép (để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu)                                                                            | 3,4,7 |
| 53                 | 3 | Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.                                                                           | Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân                                                                                    | 2,9   |
| 54                 | 4 | Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.                                                                                             | Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái)                                     | 2,9   |
| 55                 |   | Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.                                                                                                         | Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.                                                                                                                                 | 8     |
| c, Khám phá xã hội |   |                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                             |       |
|                    |   | - Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được                                                                                                                     | - Tên (họ tên), tuổi, giới tính,( đặc điểm bên ngoài, sở thích)                                                                                                             |       |

|    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |     |
|----|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 56 | 3 | <p>hỏi, trò chuyện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói được tên của bố, mẹ và các thành viên trong gia đình.</li> <li>- Trẻ có thể nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.</li> </ul>                                                                                                                  | <p>của bản thân.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên (Họ tên) của bố mẹ, các thành viên trong gia đình (công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình). Địa chỉ gia đình, đồ dùng gia đình (gia đình dân tộc Thái, một số đồ dùng trong gia đình người dân tộc Thái.).</li> </ul> | 2,3 |
| 57 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.</li> <li>- Trẻ nói họ, tên và công việc của bố, mẹ các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.</li> <li>- Trẻ có thể nói địa chỉ của gia đình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi trò chuyện.</li> </ul> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2,3 |
| 58 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên lớp (địa chỉ của trường, lớp) mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo (và các cô bác ở trường)</li> </ul>                                                                                                                                                                                                  | 1   |
| 59 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.</li> <li>- Trẻ nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện</li> <li>- Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.</li> </ul>                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên (Họ tên và một vài đặc điểm) của các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường</li> </ul>                                                                                                                                                                                             | 1   |
| 60 | 3 | <p>Trẻ kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                      | <p>Tên gọi, (công cụ) sản phẩm và ích lợi (các hoạt động và ý nghĩa) của một số nghề phổ biến, (nghề truyền thống của địa phương: Trồng lúa, Trồng rau, mây tre đan....)</p>                                                                                                                                                                           | 4   |
| 61 | 4 | <p>Trẻ kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4   |

|    |   |                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                              |           |
|----|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 62 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ kể tên được một số lễ hội: ngày khai giảng, tết trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.</li> <li>- Trẻ kể tên được một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.</li> </ul> | Cờ tổ quốc, tên (Đặc điểm nổi bật) của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương (sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. (chiến thắng Điện Biên Phủ 7/5, ngày lễ hội hoa ban, di tích Noong Nai, Đồi A1, Bảo tàng chiến thắng ĐBP.) | 1,3,4,6,9 |
| 63 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ kể tên được và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.</li> <li>- Trẻ kể tên được và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.</li> </ul>            |                                                                                                                                                                                                                                                              | 1,3,4,6,9 |

### 3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

#### a) Nghe hiểu lời nói

|    |   |                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                    |      |
|----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 64 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.</li> <li>- Trẻ có thể hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...</li> </ul>           | Hiểu và làm theo yêu cầu, (2,3 yêu cầu) đơn giản                                                                                                                                   | 5,6  |
| 65 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.</li> <li>- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...</li> </ul> | Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc (các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm)                            | 5,6  |
| 66 | 3 | Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.                                                                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.</li> <li>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi</li> </ul> | 2->9 |
| 67 | 4 | Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.                                                                                                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.</li> </ul>                                      | 2->9 |

#### b) Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày

|    |   |                                                   |                                                                 |   |
|----|---|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---|
| 68 | 3 | Trẻ nói rõ được các tiếng.                        | Phát âm các tiếng (các tiếng có chứa các âm khó) của tiếng Việt | 2 |
| 69 | 4 | Trẻ có thể nói rõ để người nghe có thể hiểu được. | (Tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc) Trẻ dân tộc sử dụng     | 2 |

|    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
|    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | đúng từ và câu bằng tiếng việt<br>đúng hoàn cảnh giao tiếp                                                                                                                                                                          |      |
| 70 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...</li> <li>- Trẻ biết sử dụng được câu đơn, câu ghép.</li> </ul>                                                                                                                    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? Khi nào? (Để làm gì?)</li> </ul>                                                                                                            | 3,4  |
| 71 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...</li> <li>- Trẻ biết sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.</li> </ul>                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng (câu ghép)</li> </ul>                                                                                 | 3,4  |
| 72 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim,...</li> <li>- Trẻ biết sử dụng các từ: "vâng ạ", "Dạ", "thưa", ... trong giao tiếp.</li> <li>- Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể lại sự việc (có nhiều tình tiết).</li> <li>- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép</li> <li>- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp</li> </ul> | 1,3  |
| 73 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.</li> <li>- Trẻ biết sử dụng các từ như: "mời cô", "mời bạn", "cảm ơn", "xin lỗi"....trong giao tiếp</li> <li>- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở</li> </ul>                       |                                                                                                                                                                                                                                     | 1,3  |
| 74 | 3 | Trẻ biết đọc thuộc được bài thơ, ca dao, đồng dao...                                                                                                                                                                                                                                                  | ' Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè                                                                                                                                                                                         | 1->9 |
| 75 | 4 | Trẻ đọc thuộc được bài thơ, ca dao, đồng dao...                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                     | 1->9 |
| 76 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn</li> <li>- Trẻ biết bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.</li> </ul>                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể lại 1 vài tình tiết của truyện, (Kể lại truyện) đã được nghe</li> <li>- Mô tả sự vật, (hiện tượng) tranh ảnh có sự giúp đỡ</li> <li>- Đóng vai (Đóng kịch) theo lời</li> </ul>          | 2->8 |

|                                                       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                |                                                                                                                               |
|-------------------------------------------------------|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 77                                                    | 4 | - Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc<br>- Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện                                                                                                                                                                                  | đ dẫn chuyện của giáo viên                                                                                                                                                     | 2->8                                                                                                                          |
| <b>c) Làm quen với đọc viết</b>                       |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                |                                                                                                                               |
| 78                                                    | 3 | - Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.<br>- Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.                                                                                                                                                 | ' Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau<br>- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện, (“Đọc” truyện qua các tranh vẽ.)                                       | 5,6                                                                                                                           |
| 79                                                    | 4 | - Trẻ biết chọn sách để xem.<br>- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh                                                                                                                                                                                                        | - Giữ gìn, (bảo vệ) sách.                                                                                                                                                      | 5,6                                                                                                                           |
| 80                                                    | 3 | Trẻ thích vẽ, viết nguệch ngoạc                                                                                                                                                                                                                                                                | - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt:<br>+ Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.<br>+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. | - Tiếp xúc với chữ, sách truyện.<br>2,7,9                                                                                     |
| 81                                                    | 4 | - Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).<br>- Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..<br>- Trẻ biết nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,.. | - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...                                 | - Nhận dạng, làm quen 10 đến 15 chữ cái<br>- Tập tô, đồ các nét chữ.<br>-Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.<br>2,4,7,9 |
| <b>4. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội</b> |   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                |                                                                                                                               |
| 82                                                    | 3 | - Trẻ biết thể hiện ý thức về bản thân: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân<br>- Trẻ nói được điều bé thích, không thích                                                                                                                                                            | - Tên tuổi, giới tính<br>- Những điều bé thích, không thích (Sở thích, khả năng của bản thân)                                                                                  | 2                                                                                                                             |



|    |   |                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                   |     |
|----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 83 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.</li> <li>- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.</li> </ul> |                                                                                                                                                                                                   | 2,3 |
| 84 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi</li> <li>- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận</li> </ul>             | Biểu lộ trạng thái cảm xúc (tình cảm phù hợp qua: nét mặt cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; (vẽ, nặn, xếp hình).                                                                        | 2   |
| 85 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.</li> <li>- Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên</li> </ul>              | Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.                                                                                                                                                           | 2   |
| 86 | 3 | Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)                                                                                                                | Cố gắng thực hiện (hoàn thành) công việc được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...trực nhật, dọn đồ chơi) thông qua các nội dung hoạt động học, HĐ chơi, HĐ ăn, ngủ, HĐ lao động).                  | 7,9 |
| 87 | 4 | Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                   | 7,9 |
| 88 | 3 | Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.                                                             | Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ giọng nói (tranh ảnh)                                                                                         | 2   |
| 89 | 4 | Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.                        |                                                                                                                                                                                                   | 2   |
| 90 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.</li> <li>- Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.</li> </ul>                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kính yêu Bác Hồ.</li> <li>- Quan tâm đến (di tích lịch sử), cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.</li> <li>Biết một vài cảnh đẹp, di tích</li> </ul> | 9   |

|    |   |                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                               |     |
|----|---|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| 91 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.</li> <li>- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.</li> <li>- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước</li> </ul> | lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn, trò chơi dân gian, bài hát dân ca, nhà ở...) của quê hương Điện Biên như:<br>(di tích Noong Nhai, đồi A1, tượng đài, bảo tàng chiến thắng Điện Biên Phủ...) một số trò chơi dân gian của địa phương. | 9   |
| 92 | 3 | Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.                                                                                                                                         | Một số quy định ở lớp, gia đình, (nơi công cộng): để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, (trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường).<br>- Nhận biết hành vi "đúng"- "sai", "tốt"- "xấu".                                                                                          | 1,3 |
| 93 | 4 | Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1,3 |
| 94 | 3 | Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...                                                                                                                                                                                                          | ' Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn); (Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép)                                                                                                                                                            | 1,3 |
| 95 | 4 | Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.                                                                                                                                                                                                                        | - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột, (quan tâm đến người thân trong gia đình)                                                                                                                                                                                                 | 1,3 |
| 96 | 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.</li> <li>- Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ</li> </ul>                                                                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chờ đến lượt (hợp tác)</li> <li>- Chơi hoà thuận với bạn (Quan tâm, giúp đỡ bạn)</li> <li>- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.</li> </ul>                                                           | 1,4 |
| 97 | 4 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói.</li> <li>- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.</li> <li>- Trẻ biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...)</li> </ul>                       |                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1,4 |
| 98 | 3 | Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6   |

|     |   |                                                                                                                   |                                                        |       |
|-----|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-------|
| 99  | 4 | - Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc<br>- Trẻ không bẻ cành, bứt hoa.                                     | ' Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.                  | 5,6   |
| 100 | 3 | Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định                                                                                 | - Tiết kiệm điện, nước<br>- Giữ gìn vệ sinh môi trường | 1,5,8 |
| 101 | 4 | - Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định<br>- Trẻ không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng |                                                        | 1,8   |

### 5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

|     |   |                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                              |   |
|-----|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|
| 102 | 3 | Trẻ cảm nhận và thể hiện được cảm xúc: vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.                                       | Bộ lộ cảm xúc (phù hợp) khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. | 4 |
| 103 | 4 | Trẻ cảm nhận và thể hiện được cảm xúc: Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng |                                                                                                                                                                              | 4 |
| 104 | 3 | Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện,                                            |                                                                                                                                                                              | 6 |
| 105 | 4 | - Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.                                             |                                                                                                                                                                              | 6 |

|     |   |                                                                                                                                            |                                                                                                      |        |
|-----|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| 106 | 3 | Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.  |                                                                                                      | 7      |
|     |   |                                                                                                                                            |                                                                                                      | 7      |
| 107 | 4 | Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình. |                                                                                                      |        |
| 108 | 3 | Trẻ có một số kỹ năng hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc                                                             | - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhận ra các loại nhạc khác nhau): nhạc thiếu nhi, dân ca.              | 1->9   |
| 109 | 4 | Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ....                       | - Hát đúng giai điệu, lời ca (thể hiện sắc thái, tình cảm) của bài hát.                              | 1->9   |
| 110 | 3 | Trẻ có thể vận động được theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).                                    | - Vận động đơn giản (nhịp nhàng) theo nhịp điệu (giai điệu) của các bài hát, bản nhạc.               | 1->7,9 |
| 111 | 4 | Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)                      | - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp (tiết tấu)                                             | 1->7,9 |
| 112 | 3 | Trẻ có một số kỹ năng sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.                                               | Sử dụng (phối hợp) các nguyên vật liệu tạo hình (vật liệu trong thiên nhiên) để tạo ra các sản phẩm. | 6,8    |
| 113 | 4 | Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.                                                                         |                                                                                                      | 6,8    |
| 114 | 3 | Trẻ có một số kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản                                                          |                                                                                                      | 1->9   |

|     |   |                                                                                                                                       |                                                                                                                                       |         |
|-----|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 115 | 4 | Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.                                  | Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản (sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét) | 1->9    |
| 116 | 3 | Trẻ có một số kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.                                                             |                                                                                                                                       | 3->5, 9 |
| 117 | 4 | Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục                                             |                                                                                                                                       | 3->6,9  |
| 118 | 3 | Trẻ có một số kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.                             |                                                                                                                                       | 1,2     |
| 119 | 4 | Trẻ biết làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.                                |                                                                                                                                       | 1,2     |
| 120 | 3 | Trẻ có một số kỹ năng xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.                                      |                                                                                                                                       | 1->9    |
| 121 | 4 | Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.                                     |                                                                                                                                       | 1->9    |
| 122 | 3 | Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.                                                                                              | Nhận xét sản phẩm tạo hình (về màu sắc, hình dáng/ đường nét).                                                                        | 7       |
| 123 | 4 | Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.                                                             |                                                                                                                                       | 7       |
| 124 | 3 | - Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật: Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.        | - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.                                                                | 9       |
| 125 | 4 | - Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật:<br>+ Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. | - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc<br>- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát                  | 9       |

|     |   |                                                                                                   |                               |                                                                                                           |     |
|-----|---|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
|     |   | + Lựa chọn dụng cụ gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.                                       |                               |                                                                                                           |     |
| 126 | 3 | - Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích<br>- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình                    | Đặt tên cho sản phẩm của mình | Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích                                                                 | 8,9 |
| 127 | 4 | - Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích<br>- Đặt tên cho sản phẩm tạo hình |                               | - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích<br>- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình | 8,9 |

### DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

| Thời gian<br>(Tháng)                            | ST<br>T | Chủ đề<br>(Từ ngày, tháng.... đến ngày, tháng....) | Chủ đề nhánh                       | Số tuần | Lễ hội        | Ghi chú |
|-------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|---------|
| <b>Tháng 9</b><br>Từ ngày 8/9 đến 3/10/2025     | 1       | Trường mầm non - Tết trung thu                     | Trường mầm non của bé              | 1       | Tết trung thu |         |
|                                                 |         |                                                    | Lớp học của bé                     | 1       |               |         |
|                                                 |         |                                                    | Đồ dùng đồ chơi của lớp            | 1       |               |         |
|                                                 |         |                                                    | Tết trung thu                      | 1       |               |         |
| <b>Tháng 10</b><br>Từ ngày 06/10 đến 31/10/2025 | 2       | Bản thân                                           | Bạn có biết tên tôi                | 1       |               |         |
|                                                 |         |                                                    | Cơ thể diệu kỳ của bé              | 1       |               |         |
|                                                 |         |                                                    | Cảm xúc của bé                     | 1       |               |         |
|                                                 |         |                                                    | Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh  | 1       |               |         |
| <b>Tháng 11</b><br>Từ ngày 03/11 đến 28/11/2025 | 3       | Gia đình - ngày hội của cô giáo                    | Những người thân yêu của bé        | 1       |               |         |
|                                                 |         |                                                    | Ngôi nhà bé yêu                    | 1       |               |         |
|                                                 |         |                                                    | Ngày hội của cô giáo               | 1       |               |         |
|                                                 |         |                                                    | Gia đình bé cần gì                 | 1       |               |         |
| <b>Tháng 12</b><br>Từ ngày 01/12 đến 26/12/2025 | 4       | Các nghề phổ biến - ngày 22/12                     | Nghề sản xuất                      | 1       |               |         |
|                                                 |         |                                                    | Nghề xây dựng                      | 1       |               |         |
|                                                 |         |                                                    | Nghề bộ đội                        | 1       |               |         |
|                                                 |         |                                                    | Nghề bác sỹ                        | 1       |               |         |
|                                                 |         |                                                    | Một số con vật nuôi trong gia đình | 1       |               |         |

|                                                                               |   |                                           |                                |                |               |                     |
|-------------------------------------------------------------------------------|---|-------------------------------------------|--------------------------------|----------------|---------------|---------------------|
| <b>Tháng 01</b><br>Từ ngày<br>29/12 đến<br>23/01/2026                         | 5 | Thế giới động vật                         | Một số con vật sống trong rừng | 1              |               |                     |
|                                                                               |   |                                           | Một số con vật sống dưới nước  | 1              |               |                     |
|                                                                               |   |                                           | Một số con côn trùng           | 1              |               |                     |
| <b>Tháng 02</b><br>Từ ngày<br>26/01 đến<br>27/02/2026                         | 6 | Thế giới thực vật - tết nguyên đán        | Cây xanh                       | 1              |               |                     |
|                                                                               |   |                                           | Một số loại hoa                | 1              |               |                     |
|                                                                               |   |                                           | Tết nguyên đán                 | 1              |               |                     |
|                                                                               |   |                                           | Nghi tết nguyên đán            | 1              |               |                     |
|                                                                               |   |                                           | Một số loại rau                | 1              |               |                     |
| <b>Tháng 03</b><br>Từ ngày<br>02/03 đến<br>27/03/2026                         | 7 | Phương tiện và quy định giao thông-       | Ngày hội 08/3                  | 1              |               |                     |
|                                                                               |   |                                           | PTGT đường bộ                  | 1              |               |                     |
|                                                                               |   |                                           | PTGT đường thủy                | 1              |               |                     |
|                                                                               |   |                                           | PTGT đường hàng không.         | 1              |               |                     |
| <b>Tháng 04</b><br>Từ ngày<br>30/03 đến<br>17/04/2026                         | 8 | Nước và một số hiện tượng tự nhiên        | Nước                           | 1              |               |                     |
|                                                                               |   |                                           | Một số hiện tượng tự nhiên     | 1              |               |                     |
|                                                                               |   |                                           | Mùa hè                         | 1              |               |                     |
| <b>Tháng 05</b><br>Từ ngày<br>20/04 đến<br>22/05/2026                         | 9 | Quê hương đất nước, Bác Hồ, Tết thiếu nhi | Quê hương Điện Biên            | 1              | Tết thiếu nhi | Nghỉ lễ<br>30/4,1/5 |
|                                                                               |   |                                           | Ôn tập                         | 1              |               |                     |
|                                                                               |   |                                           | Thủ đô Hà Nội                  | 1              |               |                     |
|                                                                               |   |                                           | Bác Hồ                         | 1              |               |                     |
|                                                                               |   |                                           | Tết thiếu nhi                  | 1              |               |                     |
| <b>Tổng</b>                                                                   |   |                                           |                                | <b>35 tuần</b> |               |                     |
| <b>Thời gian còn lại tổ chức các hoạt động ôn tập, tham quan, trải nghiệm</b> |   |                                           |                                |                |               |                     |

**TỔ TRƯỞNG**

**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
(Duyệt)

**Lê Thị Thanh Thương**

**Đỗ Thị Quế**